TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 251/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 643/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/9/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Trần Chí B,** sinh năm 1983;

- **Chị Nguyễn Thị T,** sinh năm 1989; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Căn hộ 2110, VP6 phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 11/4/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 1 năm 2019 cho đến nay. Nay anh B và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, nên anh B và chị T cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 02/12/2012 và Trần Nhật T, sinh ngày 18/3/2016. Khi ly hôn, anh B và chị T thỏa thuận giao cả 02 cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 02/12/2012 và Trần Nhật T, sinh ngày 18/3/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Chí Bình tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T

- Về con chung: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 02/12/2012 và Trần Nhật T, sinh ngày 18/3/2016. Giao cả 02 cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 02/12/2012 và Trần Nhật T, sinh ngày 18/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Chí B cho đến khi chị T có yêu cầu. Anh Trần Chí B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: Anh Trần Chí B và chị Nguyễn Thị T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Chí B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005919 ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đàm Văn Thuận